

PU 400

Lớp phủ nền bằng vữa Polyurethane cao cấp



asiaMORTAR
Deliver Solutions

PU 400

VỆ SINH, BỀN CHẮC VÀ RẤT CỨNG

Từ khi được đưa vào ứng dụng khoảng 80 năm về trước cho đến nay, vữa nền PU đã trở nên cấu trúc cơ bản cho hệ thống nền được sử dụng để đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt của các nhà máy sản xuất thực phẩm, hóa chất, dược phẩm và các ngành công nghiệp liên quan khác.

Vị trí quan trọng của nền PU được giữ vững nhờ vào đặc tính của nó, đó là sự kết hợp giữa độ cứng, bền, chắc dưới tác động cơ học và khả năng chịu hóa chất, chịu nhiệt, không thấm nước, đàn hồi và vững bền.

PU 400 : Ưu điểm:

Thi công nhanh

- Áp dụng cho mặt nền còn hơi ẩm – có thể áp dụng cho nền bê tông chỉ để khô sau 7 ngày

- Đông kết nhanh – có thể đi lại sau 8 giờ và đưa vào sử dụng hoàn toàn sau 48 giờ

Bền chắc

- Chịu mài mòn và va đập cơ học cao – chịu được xe đẩy có bánh thép
- Kết dính và bảo vệ nền bê tông rất tốt
- Chịu được nhiệt độ trong khoảng từ -40 °C đến 120 °C
- Chống sự thay đổi nhiệt độ đột ngột

Chống sự tác động của hoá chất tuyệt vời như a xít, kiềm, muối và các dung môi hữu cơ.

- Hoàn toàn không thấm nước

Vệ sinh và an toàn

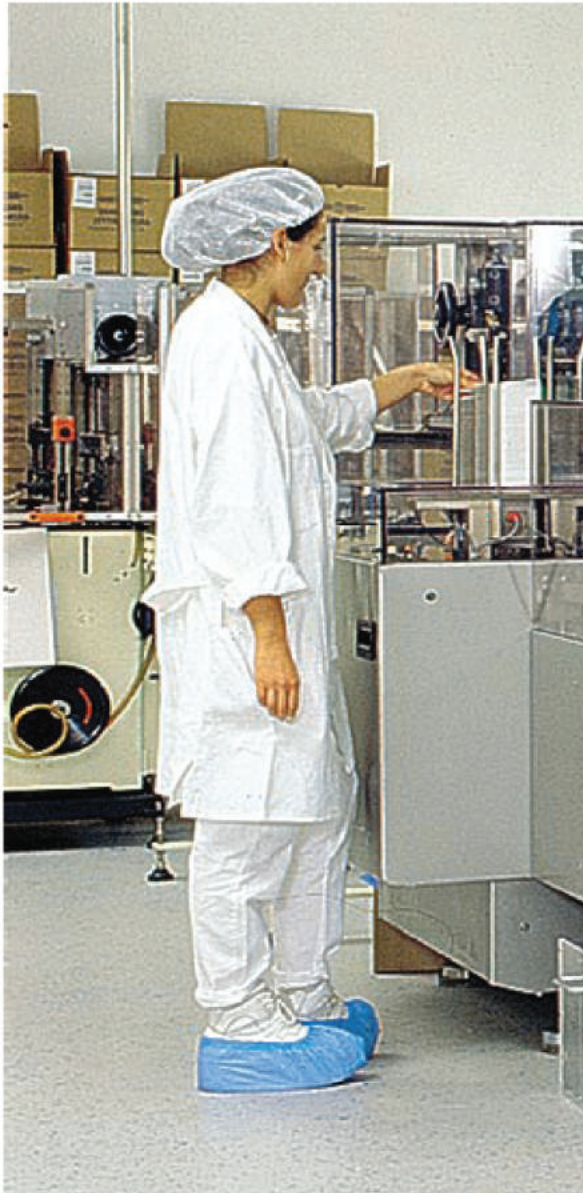
- Nền nhựa PU đáp ứng các yêu cầu của EU và US, các tiêu chuẩn HACCP và GMP
- Chống sự phát triển của vi khuẩn
- Dễ dàng vệ sinh bằng chất tẩy công nghiệp, chất tiết trùng, hơi hoặc hơi nén
- Không bị ố, không bẩn, không trượt cho dù bề mặt đang ướt



Với những yêu cầu cực kỳ nghiêm ngặt về vệ sinh của các ngành chế biến thực phẩm, hóa chất và dược phẩm, cùng với những yêu cầu về điều kiện lao động an toàn, đã tạo nên sự đòi hỏi rất cao về vật liệu nền của nhà máy sản xuất.

Lớp nền phải chịu được các vật nặng bị rơi, các xe vận chuyển hàng nặng có bánh sắt, các pallet hàng kéo trượt trên bề mặt nền, các hóa chất và chất ăn mòn bị đổ ra trên mặt nền. Lớp nền phải chịu được nhiệt kể cả lạnh và nóng. Lớp phủ nền phải giữ nguyên cấu trúc của nó, chống trượt, dễ dàng làm sạch và duy trì chất lượng dài lâu.

Đó là lý do tại sao chúng tôi đã phát triển lớp phủ nền PU 400 cho thị trường Việt nam.



Hai hệ thống nền PU 400 đáp ứng các nhu cầu khác nhau của khách hàng

PU 400 HF Lớp nền cứng nhất cho những yêu cầu khắc nghiệt

Lớp vữa PU 400 HF chống trượt được phủ bằng bay, có độ dày 6mm-9mm.

PU 400 HF được phủ ở những nền ướt nước, chịu tác động cơ học, nhiệt và hóa chất cao, có phương tiện vận chuyển nặng thường xuyên

Lợi điểm

- Rất cứng và chịu mài mòn cao
- Chịu va đập rất cao
- Chịu nhiệt và thay đổi nhiệt rất cao
- Không bị hư ổ
- Hạn chế vi khuẩn phát triển
- Rửa dễ dàng (có thể làm sạch bằng hơi)
- Không tích bụi
- Chịu hầu hết các hóa chất

Ứng dụng

- Khu vực công nghiệp nặng
- Sản xuất thực phẩm với ẩm cao
- Sản xuất thịt, cá
- Sản xuất thực phẩm ăn liền
- Bia, rượu và nước giải khát
- Nhà máy đường và bánh kẹo
- Sản xuất và chứa hóa chất và dược phẩm

PU 400 SL Kết hợp giữa yêu cầu cao về vệ sinh và độ cứng chắc

Lớp vữa PU 400 SL là lớp nền tự phẳng, có độ dày 3mm-6mm.

PU 400 SL được phủ ở những nền khô, đóng gói sản phẩm hay kho chứa, thỉnh thoảng tràn nước, nơi có phương tiện vận chuyển từ trung bình đến nặng

Lợi điểm

- Cứng và chịu mài mòn
- Chịu va đập tốt
- Chịu nhiệt và thay đổi về nhiệt cao
- Không bị hư ổ
- Hạn chế vi khuẩn phát triển
- Dễ dàng làm sạch bề mặt phẳng
- Không tích bụi
- Chịu hầu hết các hóa chất

Ứng dụng

- Công nghiệp trung đến nặng
- Sản xuất thực phẩm khô
- Đóng gói thực phẩm và nước uống
- Kho thực phẩm và thức uống
- Sản xuất thuốc lá
- Sản xuất bo mạch điện tử
- Sản xuất và chứa hóa chất và dược phẩm

Bảng tóm lược về khả năng chịu hóa chất

	Acetic acid 60%	Citric acid 50%	HCl acid 37%	Hydrogen peroxide 35%	Ethanol	Lactic acid 90%	Nitric acid 50%	Phosphoric acid 80%	Sodium hydroxide 50%	Sodium hypochlorite 15%	Sulphuric acid 70%	Toluene
PU 400 HF	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
PU 400 SL	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R

R= resistant

HF

SL



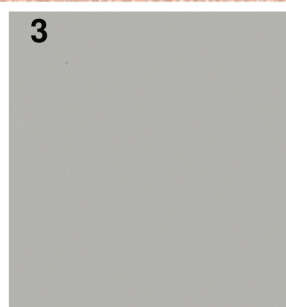
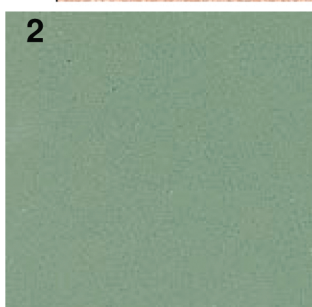
PU 400

Màu sắc và đặc tính kỹ thuật

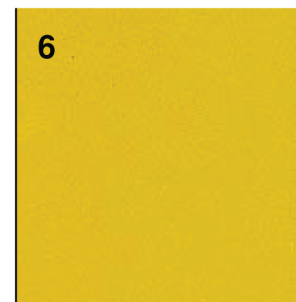
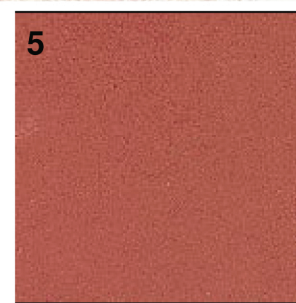
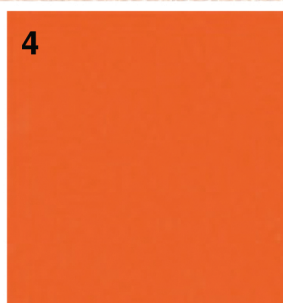
PU 400 gồm 6 màu tiêu chuẩn. Những màu khác có thể được cung cấp để đáp ứng yêu cầu. Các màu có trong bảng màu chỉ tương đương với màu thực tế vì sự hạn chế của công nghệ in và có thể bị ảnh hưởng bởi tia cực tím, thường là màu nhạt hơn

Những màu tiêu chuẩn

- 1: Màu kem
- 2: Xanh
- 3: Xám nhạt
- 4: Cam
- 5: Đỏ
- 6: Vàng



Các màu khác có thể sẽ được làm để đáp ứng những yêu cầu riêng



Thông số kỹ thuật

	PU 400 HF	PU 400 SL
Lực nén DIN EN 196/ASTM D 695	65 N/mm ²	58 N/mm ²
Lực uốn DIN EN 196/ASTM D 638	16 N/mm ²	18 N/mm ²
Lực căng ISO R527/ASTM D 638	7 N/mm ²	10 N/mm ²
Ứng suất đàn hồi động DIN EN 13412/ASTM C 597-83	20 000 N/mm ²	14 500N/mm ²
Lực kết dính DIN ISO 4624/ASTM C 882	>2,5 N/mm ² lỗi bê tông	>2.5 N/mm ² lỗi bê tông
Chống mài mòn Bánh H22, tải 1000g, 1000 vòng DIN 53754/ASTM D4060	mát 950mg	mát 1 210mg
Hệ số giãn nở nhiệt DIN EN 1770/ASTM C 531	2,1 x 10 ⁻⁵ /°C	3,5 x 10 ⁻⁵ /°C
Độ dẫn nhiệt DIN 52612/BS 874	0,84 W/m°C	0,91 W/m°C
Độ thấm nước CP.BM 2/67/2	0ml	0ml